TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 394/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hòa
Bà Nguyễn Lý Ngọc Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1522/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thanh T, sinh năm: 1994. (vắng mặt)
Địa chỉ: 100 đường T, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn:* Ông Huynh, Tuan K, sinh năm: 1990. (vắng mặt)
Địa chỉ: TX 75040, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thanh T trình bày:

Bà Phạm Thanh T và ông Huynh, Tuan K tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 03/7/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống của hai bên hoàn toàn khác biệt, ông Huynh, Tuan K là người bảo thủ, luôn cho mình là đúng, bị tác động và ảnh hưởng quá nhiều bởi gia đình, mỗi lần vợ chồng nói chuyện là cãi vã nhau, không thể hòa hợp. Bà Phạm Thanh T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không thành, hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, ông Huynh, Tuan K đang sống bên Hoa Kỳ (USA), bà Phạm Thanh T sống tại Việt Nam. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Phạm Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Huynh, Tuan K.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Huynh, Tuan K:

Trong bản tự khai ngày 28/12/2018 đã được Hợp pháp hóa lãnh sự ngày 09/01/2019, ông Huynh, Tuan K trình bày: Thừa nhận quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà Phạm Thanh T trình bày và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Phạm Thanh T.

Ông Huynh, Tuan K có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/12/2018 và đã được Hợp pháp hóa lãnh sự ngày 09/01/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Huynh, Tuan K, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Huynh, Tuan K cư trú tại nước ngoài (USA) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35, 37, 38, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Phạm Thanh T và bị đơn ông Huynh, Tuan K tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Phạm Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/3/2019, ông Huynh, Tuan K có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/12/2018 và đã được Hợp pháp hóa lãnh sự ngày 09/01/2019. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thanh T đối với bị đơn ông Huynh, Tuan K, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 03/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thanh T và ông Huynh, Tuan K, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thanh T và ông Huynh, Tuan K là hôn nhân hợp pháp.

Bà Phạm Thanh T yêu cầu được ly hôn ông Huynh, Tuan K vì mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mặc dù hai bên đã tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm nhưng không đem lại kết quả, hiện nay hai vợ chồng không còn sống chung. Đối với ông Huynh, Tuan K cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Phạm Thanh T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phạm Thanh T và ông Huynh, Tuan K đã trầm trọng, điều kiện sống mỗi người mỗi nơi, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thanh T ly hôn ông Huynh, Tuan K theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 38, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 và Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thanh T đối với ông Huynh, Tuan K:

- Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thanh T ly hôn ông Huynh, Tuan K.

- Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008237 ngày 08/3/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai sơ thẩm.

Bà Phạm Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Huynh, Tuan K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND quận T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trịnh Minh Đức